

CTCP GẠCH NGÓI CAO CẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2014/CBTT-MCC

V/v: Công bố thông tin
BCTC năm 2013 đã kiểm toán

Bình Dương, ngày 01 tháng 03 năm 2014

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: CTCP GẠCH NGÓI CAO CẤP
2. Mã chứng khoán: MCC
3. Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Cây Chàm, xã Thanh Phước, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
4. Điện thoại: 0650.3658278 Fax: 0650.625379
5. Người thực hiện công bố thông tin: Hứa Ngọc Chính
6. **Nội dung của thông tin công bố:**

Báo cáo tài chính năm 2013 đã kiểm toán của CTCP Gạch Ngói Cao Cấp được lập ngày 28 tháng 02 năm 2014.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: gachngoicaocap.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT
(Ký tên và đóng dấu)



HỨA NGỌC CHÍNH



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2013

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Ấp Cây Chàm, Xã Thanh Phước, Tân Uyên, Bình Dương.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|--|-------|
| BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 02-04 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN | 05-06 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán | 07-09 |
| Kết quả hoạt động kinh doanh | 10-10 |
| Lưu chuyển tiền tệ | 11-11 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính | 12-33 |



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Ấp Cây Chàm, Xã Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao cấp trình bày Báo cáo tài chính của Công ty cho năm 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là Công ty) – được cổ phần hóa từ Nhà máy Gạch ngói Cao Cấp trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (nay là Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương) - hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế với mã số doanh nghiệp 3700762464 (đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 13/08/2013) và vốn điều lệ là 46.683.000.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 13 tháng 08 năm 2013 là 46.683.000.000 đồng; trong đó, vốn của các cổ đông sáng lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (do Ông Mai Văn Chánh làm đại diện) nắm giữ 1.395.360 cổ phần tương đương 13.953,6 triệu đồng, chiếm 29,89%;
- Ông Lê Minh Hoàng nắm giữ 40.527 cổ phần tương đương 405,27 triệu đồng, chiếm 0,87%;
- Ông Đỗ Thành Lộc nắm giữ 31.122 cổ phần tương đương 311,22 triệu đồng, chiếm 0,67%;
- Ông Phạm Ngũ Cơ nắm giữ 26.562 cổ phần tương đương 265,62 triệu đồng, chiếm 0,57%;
- Ông Nguyễn Tiến Trãi nắm giữ 9.120 cổ phần tương đương 91,2 triệu đồng, chiếm 0,19%.

Trụ sở của Công ty : Ấp Cây Chàm, Xã Thạnh Phước, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : 0650.3.658.278

Fax: 0650.3.625.379

Hoạt động chính của Công ty :

- Khai thác khoáng sản sét gạch ngói;
- Khai thác sản phẩm phụ cát xây dựng (Chỉ hoạt động sau khi được Cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản);
- Sản xuất gạch ngói bằng lò Tuynel;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi (trừ hoạt động bãi cát);
- Xây dựng lò tuynel;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ nung đốt gạch ngói đất sét bằng lò tuynel;
- Trồng cây cao su;

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2013

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản có hiệu lực thi hành từ ngày 20/01/2014, Công ty có nghĩa vụ tính toán và kê khai tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong vòng 60 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực. Căn cứ vào Nghị định này, Công ty đã tính toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp là 7.636.992.000 đồng. Tại thời điểm 31/12/2013, Nghị định này chưa có hiệu lực nhưng để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, chi phí cần được ghi nhận đầy đủ, Công ty đã ước tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản liên quan đến giai đoạn từ 01/7/2011 đến 31/12/2013 là 652.345.846 đồng và ghi nhận vào chi phí niên độ tài chính 2013.



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Áp Cây Chàm, Xã Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố thêm trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị Công ty:

| <u>Thành viên</u> | <u>Quốc tịch</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Bổ nhiệm từ</u> | <u>Mãn nhiệm từ</u> |
|-----------------------|------------------|----------------|--------------------|---------------------|
| - Ông Mai Văn Chánh | Việt Nam | Chủ tịch | 19/03/2011 | |
| - Ông Huỳnh Thanh Sơn | Việt Nam | Thành Viên | 19/03/2011 | |
| - Ông Lê Minh Hoàng | Việt Nam | Thành Viên | 19/03/2011 | |
| - Ông Phạm Ngũ Cơ | Việt Nam | Thành Viên | 19/03/2011 | |
| - Ông Trần Thiện Thế | Việt Nam | Thành Viên | 19/03/2011 | |

Ban giám đốc Công ty:

| <u>Thành viên</u> | <u>Quốc tịch</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Bổ nhiệm từ</u> | <u>Mãn nhiệm từ</u> |
|---------------------|------------------|----------------|--------------------|---------------------|
| - Ông Lê Minh Hoàng | Việt Nam | Giám đốc | 01/12/2006 | |
| - Ông Đỗ Thành Lộc | Việt Nam | Phó Giám đốc | 01/12/2006 | |

Ban kiểm soát :

| <u>Thành viên</u> | <u>Quốc tịch</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Bổ nhiệm từ</u> | <u>Mãn nhiệm từ</u> |
|-------------------------|------------------|----------------|--------------------|---------------------|
| - Ông Nguyễn Hồng Châu | Việt Nam | Trưởng ban | 19/03/2011 | |
| - Ông Huỳnh Vĩnh Thành | Việt Nam | Thành viên | 19/03/2011 | |
| - Bà Trần Thị Thu Hương | Việt Nam | Thành viên | 19/03/2011 | |

Kế toán trưởng

| | | |
|--------------------|----------|------------|
| Ông Hứa Ngọc Chính | Việt Nam | 01/12/2006 |
|--------------------|----------|------------|

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) đã bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc lập báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được trình bày trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.
- Việc lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Ấp Cây Chàm, Xã Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương.

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2013 kết thúc cùng ngày, phù hợp với hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bình Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2014

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Mai Văn Chính



Số: 24 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao Cấp
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**Kính gửi : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là Công ty), được lập ngày 28/02/2014, từ trang 07 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao Cấp tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 15 - Chi phí phải trả, phần V và thuyết minh số 3 - Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán 2013, phần VIII của Thuyết minh Báo cáo tài chính, để đảm bảo nguyên tắc thận trọng và ghi nhận đầy đủ chi phí có liên quan, Công ty đã ước tính và ghi nhận vào chi phí trong kỳ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản với số tiền là 652.345.846 đồng theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS**

Tổng Giám Đốc



Đỗ Khắc Thanh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên

A blue ink signature of Lưu Vinh Khoa.

Lưu Vinh Khoa

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0166-2013-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| A . TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150) | 100 | | 35.134.068.228 | 26.062.020.824 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 18.617.725.907 | 10.799.004.772 |
| 1. Tiền | 111 | | 3.417.725.907 | 1.099.004.772 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 15.200.000.000 | 9.700.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 1.058.301.280 | 1.565.512.609 |
| 1. Phải thu của khách hàng | 131 | V.2 | 896.381.835 | 1.421.393.909 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 37.537.500 | 37.537.500 |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.3 | 124.381.945 | 106.581.200 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.4 | 14.884.634.322 | 12.989.567.963 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 14.884.634.322 | 12.989.567.963 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 573.406.719 | 707.935.480 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.5 | 468.314.681 | 648.377.065 |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 154 | V.6 | 81.316.253 | - |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.7 | 23.775.785 | 59.558.415 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260) | 200 | | 28.333.884.710 | 30.544.282.956 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 7.186.858.054 | 8.861.912.891 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 7.186.858.054 | 8.861.912.891 |
| - Nguyên giá | 222 | | 16.957.345.562 | 17.120.762.641 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (9.770.487.508) | (8.258.849.750) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 21.147.026.656 | 21.682.370.065 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9 | 20.763.269.554 | 21.470.611.123 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.10 | 174.472.801 | 25.428.401 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | V.11 | 209.284.301 | 186.330.541 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 63.467.952.938 | 56.606.303.780 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 10.044.698.729 | 4.145.806.920 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 9.956.334.701 | 4.134.806.920 |
| 2. Phải trả cho người bán | 312 | V.12 | 456.164.627 | 645.647.198 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | V.13 | 7.251.818.868 | 1.268.416.800 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.14 | 798.701.354 | 1.041.031.825 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.15 | 793.058.179 | 101.713.596 |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.16 | 244.619.878 | 362.990.371 |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 411.971.795 | 715.007.130 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 88.364.028 | 11.000.000 |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | V.17 | 50.000.000 | |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.18 | 11.000.000 | 11.000.000 |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | V.19 | 27.364.028 | |
| B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430) | 400 | | 53.423.254.209 | 52.460.496.860 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.20 | 53.423.254.209 | 52.460.496.860 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 46.683.000.000 | 46.683.000.000 |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | (730.457.045) | (730.457.045) |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 1.583.077.928 | 1.583.077.928 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 3.142.021.637 | 2.811.419.739 |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 2.745.611.689 | 2.113.456.238 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 63.467.952.938 | 56.606.303.780 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| Chỉ tiêu | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|-------------|------------|
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại | | - | - |
| - USD | V.1 | 2.658,78 | 33,91 |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

Bình Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Kế toán trưởng



HỨA NGỌC CHÍNH

Giám đốc



LÊ MINH HOÀNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 39.457.593.858 | 43.125.329.122 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 39.457.593.858 | 43.125.329.122 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 27.267.742.270 | 30.500.639.876 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 12.189.851.588 | 12.624.689.246 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 944.898.303 | 1.485.206.432 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 1.053.475 | 990.000 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 880.000 | 990.000 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.5 | 682.832.796 | 588.517.074 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.6 | 3.818.509.147 | 3.931.057.382 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 8.632.354.473 | 9.589.331.222 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 263.415.120 | 2.027.263.349 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 78.700.165 | 31.661.258 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 184.714.955 | 1.995.602.091 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 8.817.069.428 | 11.584.933.313 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.9 | 2.326.711.848 | 2.150.780.967 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | VI.10 | (121.680.372) | 8.314.637 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 6.612.037.952 | 9.425.837.709 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.11 | 1.426 | 2.032 |

Bình Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Kế toán trưởng



HỨA NGỌC CHÍNH



LÊ MINH HOÀNG

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
NĂM 2013
(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH | | | | |
| - Tiền thu từ bán hàng, cung cấp hàng hóa dịch vụ và doanh thu | 01 | | 49.750.668.458 | 48.222.441.901 |
| - Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (19.921.644.793) | (22.743.390.664) |
| - Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (8.425.648.000) | (9.482.006.000) |
| - Tiền chi trả lãi vay | 04 | | (880.000) | (990.000) |
| - Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | | (2.361.592.265) | (4.997.680.789) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 2.094.915.332 | 3.779.308.113 |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 07 | | (9.443.985.506) | (9.762.005.184) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 11.691.833.226 | 5.015.677.377 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (205.619.274) | (887.264.753) |
| - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 876.472.240 | 1.561.759.805 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 670.852.966 | 674.495.052 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| - Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | | |
| - Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| - Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | - | - |
| - Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | - | - |
| - Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | - |
| - Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (4.544.435.700) | (9.276.600.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (4.544.435.700) | (9.276.600.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 7.818.250.492 | (3.586.427.571) |
| Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ | 60 | V.1 | 10.799.004.772 | 14.385.433.292 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 470.643 | (949) |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 18.617.725.907 | 10.799.004.772 |

0501172
CÔNG TY
GẠCH NGÓI CAO CẤP
CH VỤ TƯ
KẾ TỐN VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
TP. HỒ CHÍ MINH

Bình Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Kế toán trưởng



HỨA NGỌC CHÍNH

Giám đốc



LÊ MINH HOÀNG

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Ấp Cây Chàm, xã Thanh Phước, Tân Uyên, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

I. Đặc điểm hoạt động của Công ty

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là Công ty) – được cổ phần hóa từ Nhà máy Gạch ngói Cao Cấp trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (nay là Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương) - hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế với mã số doanh nghiệp 3700762464 (đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 13/08/2013) với vốn điều lệ là 46.683.000.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 13 tháng 08 năm 2013 là 46.683.000.000 đồng; trong đó, vốn của các cổ đông sáng lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (do Ông Mai Văn Chánh làm đại diện) nắm giữ 1.395.360 cổ phần tương đương 13.953,6 triệu đồng, chiếm 29,89%;
- Ông Lê Minh Hoàng nắm giữ 40.527 cổ phần tương đương 405,27 triệu đồng, chiếm 0,87%;
- Ông Đỗ Thành Lộc nắm giữ 31.122 cổ phần tương đương 311,22 triệu đồng, chiếm 0,67%;
- Ông Phạm Ngũ Cơ nắm giữ 26.562 cổ phần tương đương 256,62 triệu đồng, chiếm 0,57%;
- Ông Nguyễn Tiến Trãi nắm giữ 9.120 cổ phần tương đương 91,2 triệu đồng, chiếm 0,19%.

Ngành, nghề kinh doanh :

- Khai thác khoáng sản sét gạch ngói;
- Khai thác sản phẩm phụ cát xây dựng (Chỉ hoạt động sau khi được Cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản);
- Sản xuất gạch ngói bằng lò Tuynel;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi (trừ hoạt động bãi cát);
- Xây dựng lò tuynel;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ nung đốt gạch ngói đất sét bằng lò tuynel;
- Trồng cây cao su;

Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất gạch ngói xây dựng chất lượng cao các loại, khai thác sét để sản xuất gạch ngói và cung cấp cho các nhà sản xuất khác, khai thác cát xây dựng giữa các lớp sét tại mỏ sét.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán đầu tiên của công ty bắt đầu từ ngày 01/12/2006 đến ngày 31/12/2007.

Niên độ kế toán tiếp theo của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Ấp Cây Chàm, xã Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

III. Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng :

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10("VAS 10") – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư của các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 ("VAS 10")- Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 do BTC ban hành hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ. Theo đó, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, nợ phải thu, nợ phải trả tại thời điểm cuối năm được đánh giá theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính, sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Tỷ giá hối đoái được áp dụng để đánh giá số dư tại ngày 31/12/2013: 21.085 đ/USD.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Ấp Cây Chàm, xã Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Đối với hoạt động sản xuất gạch ngói, khối lượng nguyên vật liệu đất tiêu hao được xác định trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật do Công ty xây dựng. Cuối niên độ kế toán, Công ty kiểm kê khối lượng nguyên liệu đất sét, than tồn kho bằng cách thuê Liên hiệp Khoa học địa chất, môi trường và công nghệ khoáng tiến hành đo vẽ lại khối lượng đất sét, than tồn kho thực tế bằng máy toàn đạc điện tử SOKKIA-SET5 30R do Nhật sản xuất độ chính xác $m\beta = (3'')$ độ chính xác đo cạnh (5x3ppxD)mm và các dụng cụ đi kèm. Máy trước khi đo đã được kiểm nghiệm đầy đủ độ chính xác của các hạng mục. Trên cơ sở kết quả đo vẽ này, Liên hiệp Khoa học địa chất, môi trường và công nghệ khoáng tiến hành tính toán khối lượng nguyên liệu đất sét, than tồn kho trên phần mềm chuyên dụng. Chênh lệch số lượng giữa kết quả kiểm kê và sổ kế toán được Công ty đánh giá theo đơn giá tồn kho trên sổ kế toán tại ngày cuối niên độ kế toán để làm căn cứ ghi nhận hàng thừa & thiếu vào sổ kế toán của niên độ kế đó.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá trên chi phí thực tế phát sinh.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

305011729
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
DỊCH VỤ TƯ VẤN
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Ấp Cây Chàm, xã Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

4.3. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|--------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 12 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 08 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 08 năm |
| - Phương tiện vận tải | 08 năm |

5. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

5.1. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay: Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

5.2. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

5.2.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

5.2.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.



5.3. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

7. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh được phân bổ trong vòng 12 tháng được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh được phân bổ trên 12 tháng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

9. Nguồn vốn chủ sở hữu

Ghi nhận cổ tức : Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp lý hiện hành. Việc phân phối cổ tức cho cổ đông được thực hiện trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Ấp Cây Chàm, xã Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán

| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt tại quỹ | 1.428.776.644 | 611.199.950 |
| Tiền gửi ngân hàng | 1.988.949.263 | 487.804.822 |
| - Tiền gửi NH bằng VND | 1.902.773.490 | 457.323.462 |
| - Tiền gửi ngoại tệ (USD) 2.658,78 usd # | 56.060.376 | 33,91 usd # 705.328 |
| - Tiền gửi tại công ty chứng khoán để mua cổ phiếu | 30.115.397 | 29.776.032 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 15.200.000.000 | 9.700.000.000 |
| Cộng | 18.617.725.907 | 10.799.004.772 |
| (*) Chi tiết các khoản tương đương tiền | | |
| - Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng | 1.700.000.000 | 9.700.000.000 |
| - Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng | 13.500.000.000 | - |
| Cộng | 15.200.000.000 | 9.700.000.000 |
| 2. Phải thu của khách hàng | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Nhà phân phối | 614.344.892 | 1.196.393.042 |
| Đại lý và các đơn vị khác | 282.036.943 | 225.090.867 |
| Cộng | 896.381.835 | 1.421.393.909 |
| 3. Các khoản phải thu khác | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn | 124.381.945 | 56.600.000 |
| Tiền thuê đất khu đất Văn phòng Công ty phải thu lại Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương | - | 49.981.200 |
| Cộng | 124.381.945 | 106.581.200 |
| 4. Hàng tồn kho | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Nguyên liệu, vật liệu | 9.023.803.254 | 8.947.216.953 |
| Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản | 912.298.845 | 912.298.845 |
| Công cụ dụng cụ | 54.740.887 | 68.351.083 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 487.662.259 | 564.561.249 |
| Thành phẩm tồn kho | 4.406.129.077 | 2.497.139.833 |
| Cộng | 14.884.634.322 | 12.989.567.963 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | - |
| Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho cuối kỳ | 14.884.634.322 | 12.989.567.963 |
| 5. Chi phí trả trước ngắn hạn | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Chi phí khai thác đất đầu, khai mương, đắp đê ở mỏ sét Đồng Chanh | 468.314.681 | 648.377.065 |
| Cộng | 468.314.681 | 648.377.065 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**Báo cáo tài chính**

Áp Cây Chàm - Xã Thạnh Phước - H.Tân Uyên - Tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

| 6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------|-------------------|
| Thuế Thu nhập cá nhân nộp thừa | 49.333.829 | - |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất (tiền thuê đất phải thu lại Nhà nước do Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương đã nộp trước đây). | 31.982.424 | - |
| Cộng | 81.316.253 | - |

| 7. Tài sản ngắn hạn khác | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|--------------------|-------------------|
| Tạm ứng | 23.775.785 | 59.558.415 |
| Cộng | 23.775.785 | 59.558.415 |

| 8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình | | | | | |
|---|-------------------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------------|------------------|
| Chỉ tiêu | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Thiết bị văn phòng | Phương tiện Vận tải | Tổng cộng |
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 11.950.824.320 | 4.693.849.524 | 45.600.598 | 430.488.199 | 17.120.762.641 |
| Tăng trong kỳ | 125.734.393 | 15.500.000 | - | - | 141.234.393 |
| Giảm trong kỳ | 42.049.855 | 248.401.164 | 14.200.453 | - | 304.651.472 |
| Số cuối kỳ | 12.034.508.858 | 4.460.948.360 | 31.400.145 | 430.488.199 | 16.957.345.562 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 5.565.458.289 | 2.340.623.441 | 25.417.624 | 327.350.396 | 8.258.849.750 |
| Tăng trong kỳ | 1.012.170.690 | 572.726.956 | 4.812.546 | 53.811.024 | 1.643.521.216 |
| Giảm trong kỳ | 10.242.744 | 119.212.769 | 2.427.945 | - | 131.883.458 |
| Số cuối kỳ | 6.567.386.235 | 2.794.137.628 | 27.802.225 | 381.161.420 | 9.770.487.508 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 6.385.366.031 | 2.353.226.083 | 20.182.974 | 103.137.803 | 8.861.912.891 |
| Số cuối kỳ | 5.467.122.623 | 1.666.810.732 | 3.597.920 | 49.326.779 | 7.186.858.054 |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng vào thời điểm cuối năm và đầu năm :0 đồng

Không có tài sản cố định hữu hình nào đang chờ thanh lý vào thời điểm cuối năm;

Không có tài sản cố định hữu hình nào được dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay;

Không có cam kết nào về việc mua bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện;

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Ấp Cây Chàm - Xã Thạnh Phước - H. Tân Uyên - Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| 9. Chi phí trả trước dài | | |
| Chi phí đền bù mua đất mỏ sét Đồng Chanh | 19.564.228.138 | 20.493.949.071 |
| Chi phí khác phát sinh trong giai đoạn XD CB mỏ sét Đồng Chanh | 562.053.517 | 596.167.475 |
| Chi phí tử điều khiển inverter | 86.648.436 | - |
| Chi phí pallet chất xếp sản phẩm | 40.625.000 | 22.000.000 |
| Chi phí sửa chữa lớn xe xúc kawasaki | 15.789.579 | 36.984.583 |
| Công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 143.973.336 | 292.859.932 |
| Chi phí thay tole, đổ bê tông nhà xưởng | - | 4.115.223 |
| Chi phí gia công khuôn ngói 10 viên/m ² | - | 3.030.293 |
| Chi phí thay tole nhựa trại phơi sấy | 349.951.548 | 21.504.546 |
| Cộng | <u>20.763.269.554</u> | <u>21.470.611.123</u> |
| 10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Các khoản chênh lệch tạm thời gồm: | | |
| - Phí phục hồi môi trường mỏ sét | 140.712.333 | 101.713.596 |
| - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản | 652.345.846 | - |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng: | | |
| - Phí phục hồi môi trường mỏ sét | 30.956.714 | 25.428.401 |
| - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản | 143.516.087 | - |
| | <u>174.472.801</u> | <u>25.428.401</u> |
| 11. Tài sản dài hạn khác | | |
| Ký quỹ phục hồi môi trường | 209.284.301 | 186.330.541 |
| Cộng | <u>209.284.301</u> | <u>186.330.541</u> |
| 12. Phải trả cho người bán | | |
| Cung cấp nguyên vật liệu | 343.639.344 | 316.850.000 |
| Cung cấp dịch vụ vận chuyển, cuốc đất sét,... | 112.525.283 | 328.797.198 |
| Cộng | <u>456.164.627</u> | <u>645.647.198</u> |
| 13. Người mua trả tiền trước | | |
| Ứng trước tiền mua đất sét | 7.240.952.500 | 1.178.514.000 |
| Ứng trước tiền mua gạch ngói | 10.866.368 | 89.902.800 |
| Cộng | <u>7.251.818.868</u> | <u>1.268.416.800</u> |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

| 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------|----------------------|
| Thuế GTGT phải nộp | 141.948.177 | 408.036.048 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 568.822.302 | 603.702.719 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 15.721.058 |
| Thuế tài nguyên | 71.938.875 | 10.962.000 |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 15.992.000 | 2.610.000 |
| Cộng | 798.701.354 | 1.041.031.825 |

| 15. Chi phí phải trả | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------|--------------------|
| Chi phí cải tạo phục hồi môi trường mỏ sét | 140.712.333 | 101.713.596 |
| Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản gạch ngói sét (i) | 630.000.000 | - |
| Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Cát năm 2013(i) | 22.345.846 | - |
| Cộng | 793.058.179 | 101.713.596 |

(i) Theo nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ ban hành về việc quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Công ty thuộc đối tượng phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho thời gian khai thác khoáng sản từ ngày 01/7/2011 đến hết thời hạn của Giấy phép khai thác khoáng sản. Công ty đã tiến hành trích trước tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tương ứng với giai đoạn từ 01/07/2011 đến 31/12/2013 và ghi nhận vào chi phí năm tài chính 2013. (Xem thuyết minh số 3 phần VIII của thuyết minh báo cáo tài chính)

| 16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------|--------------------|
| Tài sản thừa chờ xử lý (*) | 104.425.478 | 195.284.351 |
| Kinh phí công đoàn | 17.060.710 | 61.633.040 |
| Các khoản khác | 123.133.690 | 106.072.980 |
| Cộng | 244.619.878 | 362.990.371 |

(*) Giá trị đất sét, than cám thừa được xác định từ kết quả kiểm kê tại thời điểm cuối niên độ 2013, chưa xác định chính xác nguyên nhân.

| 17. Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------|-------------------|
| Nhận ký quỹ hợp đồng cung cấp xỉ than đá | 50.000.000 | - |
| Cộng | 50.000.000 | - |

| 18. Nợ dài hạn | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------|--------------------|-------------------|
| Vay cán bộ công nhân viên | 11.000.000 | 11.000.000 |
| Cộng | 11.000.000 | 11.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Báo cáo tài chính

Ấp Cây Chàm - Xã Thạnh Phước - H.Tân Uyên - Tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**Chênh lệch tạm thời:**

- Lãi dự thu năm nay

124.381.945

-

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả tương ứng:

- Lãi dự thu năm nay

27.364.028

-

Cộng**27.364.028****-****20. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

| Chỉ tiêu | Vốn đầu tư chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối |
|---|-----------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|
| Năm trước | | | | | |
| Số dư đầu năm trước | 46.683.000.000 | (730.475.045) | 1.583.077.928 | 2.340.127.854 | 3.876.721.000 |
| - Tăng vốn trong năm trước | - | - | - | - | - |
| -Lợi nhuận sau thuế tăng năm trước | - | - | - | - | 9.425.837.709 |
| -Phân phối lợi nhuận năm trước | - | - | - | - | 11.189.102.471 |
| + Phân phối cho các quỹ | - | - | - | 471.291.885 | 471.291.885 |
| + Chia cổ tức đợt 2/2011 và ứng đợt 1/2012 | - | - | - | - | 9.276.600.000 |
| + Phân phối cho quỹ Khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, BKS, thưởng BQL) | - | - | - | - | 1.441.210.586 |
| Số dư cuối năm trước | 46.683.000.000 | (730.475.045) | 1.583.077.928 | 2.811.419.739 | 2.113.456.238 |
| Năm nay | | | | | |
| Số dư đầu năm nay | 46.683.000.000 | (730.475.045) | 1.583.077.928 | 2.811.419.739 | 2.113.456.238 |
| - Tăng vốn trong kỳ này | - | - | - | - | - |
| -Lợi nhuận sau thuế tăng trong kỳ này | - | - | - | - | 6.612.037.952 |
| -Phân phối lợi nhuận kỳ nay | - | - | - | - | 5.979.882.501 |
| + Phân phối cho các quỹ | - | - | - | 330.601.898 | 330.601.898 |
| + Chia cổ tức | - | - | - | - | 4.638.300.000 |
| + Phân phối cho quỹ Khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, BKS, thưởng BQL) | - | - | - | - | 1.010.980.603 |
| Số dư cuối kỳ này | 46.683.000.000 | (730.475.045) | 1.583.077.928 | 3.142.021.637 | 2.745.611.689 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**Báo cáo tài chính**

Áp Cây Chàm - Xã Thạnh Phước - H.Tân Uyên - Tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| Chỉ tiêu | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Tổng số | Vốn cổ phần thường | Tổng số | Vốn cổ phần thường |
| -Vốn đầu tư của Nhà nước | 13.953.600.000 | 13.953.600.000 | 13.953.600.000 | 13.953.600.000 |
| -Vốn góp của cổ đông khác | 32.429.400.000 | 32.429.400.000 | 32.429.400.000 | 32.429.400.000 |
| -Cổ phiếu quỹ (theo mệnh Cộng | 300.000.000 | 300.000.000 | 300.000.000 | 300.000.000 |
| | 46.683.000.000 | 46.683.000.000 | 46.683.000.000 | 46.683.000.000 |

Công ty không phát hành trái phiếu.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận :

| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Vốn góp đầu năm | 46.683.000.000 | 46.683.000.000 |
| Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| Vốn góp cuối năm | 46.683.000.000 | 46.683.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 4.638.300.000 | 9.276.600.000 |

| Cổ phiếu : | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu được phép phát hành | 4.668.300 cổ phần | 4.668.300 cổ phần |
| Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ | 4.668.300 cổ phần | 4.668.300 cổ phần |
| + Cổ phiếu thường | 4.668.300 cổ phần | 4.668.300 cổ phần |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 30.000 cổ phần | 30.000 cổ phần |
| + Cổ phiếu thường | 30.000 cổ phần | 30.000 cổ phần |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 4.638.300 cổ phần | 4.638.300 cổ phần |
| + Cổ phiếu thường | 4.638.300 cổ phần | 4.638.300 cổ phần |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| - Mệnh giá cổ phần : 10.000 đ/cổ phần | | |

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Kết quả hoạt động kinh doanh

| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu gạch ngói | 28.536.997.004 | 33.477.078.833 |
| Doanh thu đất sét | 10.915.977.645 | 9.648.250.289 |
| Doanh thu khác | 4.619.209 | - |
| Cộng | 39.457.593.858 | 43.125.329.122 |

Trong năm đơn vị không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| 2. Giá vốn hàng bán | | |
| Giá vốn sản phẩm gạch ngói | 21.419.339.573 | 24.292.974.496 |
| Giá vốn đất sét | 5.843.962.697 | 6.207.665.380 |
| Giá vốn khác | 4.440.000 | - |
| Cộng | <u>27.267.742.270</u> | <u>30.500.639.876</u> |
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 944.898.303 | 1.485.206.432 |
| Cộng | <u>944.898.303</u> | <u>1.485.206.432</u> |
| 4. Chi phí tài chính | | |
| Chi phí lãi vay | 880.000 | 990.000 |
| Chênh lệch tỷ giá | 173.475 | - |
| Cộng | <u>1.053.475</u> | <u>990.000</u> |
| 5. Chi phí bán hàng | | |
| Chi phí nhân viên bán hàng | 57.725.800 | 71.739.500 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 36.288.000 | - |
| Chi phí dụng cụ đồ dùng | 219.000 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 397.217.746 | 417.595.015 |
| Chi phí bằng tiền khác | 191.382.250 | 99.182.559 |
| Cộng | <u>682.832.796</u> | <u>588.517.074</u> |
| 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| Chi phí nhân viên quản lý | 2.858.791.015 | 2.979.518.914 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 23.007.291 | 38.065.888 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 20.561.364 | 7.395.454 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 64.465.932 | 65.905.050 |
| Thuế, phí và lệ phí | 37.442.640 | 81.114.109 |
| Chi phí trợ cấp mất việc làm | 64.187.000 | 63.853.458 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 279.195.258 | 349.044.506 |
| Chi phí bằng tiền khác | 470.858.647 | 346.160.003 |
| Cộng | <u>3.818.509.147</u> | <u>3.931.057.382</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Báo cáo tài chính

Áp Cây Chàm - Xã Thạnh Phước - H.Tân Uyên - Tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------|----------------------------|
| Xử lý kết quả thừa kiểm kê năm trước | 195.284.351 | 1.756.110.48 |
| Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm chưa sử dụng hết | - | 220.733.79 |
| Thu nhập khác | 68.130.769 | 50.419.07 |
| Cộng | <u>263.415.120</u> | <u>2.027.263.34</u> |

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Chi phí nguyên liệu vật liệu | 11.523.567.591 | 11.976.989.13 |
| Chi phí công cụ | 86.830.654 | 115.802.14 |
| Chi phí nhân công | 10.078.800.583 | 10.444.940.34 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.643.521.216 | 1.596.349.46 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.830.175.900 | 6.614.669.26 |
| Chi phí khác bằng tiền | 4.504.882.404 | 4.473.313.13 |
| Cộng | <u>33.667.778.348</u> | <u>35.222.063.49</u> |

9. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|----------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 8.817.069.428 | 11.584.933.31 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN | | |
| Chênh lệch vĩnh viễn : Tăng (+), Giảm (-) | 69.368.493 | 119.000.00 |
| Chênh lệch tạm thời : Tăng (+), Giảm (-) | 566.962.638 | (33.258.54) |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 9.453.400.559 | 11.670.674.76 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 25% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 2.363.350.140 | 2.917.668.69 |
| Thuế TNDN giảm 30% số phải nộp từ hoạt động sản xuất gạch ngói theo thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 | - | (766.887.72) |
| Thuế TNDN nộp thừa năm 2011 | (36.638.292) | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | <u>2.326.711.848</u> | <u>2.150.780.96</u> |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2013 có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Áp Cây Chàm - Xã Thạnh Phước - H.Tân Uyên - Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-------------------------|
| 10. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | |
| Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường mỏ sét | (8.579.722) | 8.314.637 |
| Khoản phí tiền cấp quyền khai thác khoáng sản | (143.516.086) | - |
| Lãi dự thu năm nay | 27.364.028 | - |
| Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại do thay đổi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 | 3.051.408 | - |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | <u>(121.680.372)</u> | <u>8.314.637</u> |

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| 11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | | |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 6.612.037.952 | 9.425.837.709 |
| Số cổ phiếu bình quân lưu hành | 4.638.300 | 4.638.300 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.426 | 2.032 |

VII. Thông tin về công cụ tài chính**1. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 18.617.725.907 | 10.799.004.772 |
| Phải thu khách hàng | 896.381.835 | 1.421.393.909 |
| Các khoản phải thu khác | 148.157.730 | 166.139.615 |
| Cộng | <u>19.662.265.472</u> | <u>12.386.538.296</u> |

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Nợ phải trả tài chính | | |
| Phải trả cho người bán | 456.164.627 | 645.647.198 |
| Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn | 11.000.000 | 11.000.000 |
| Chi phí phải trả | 793.058.179 | 101.713.596 |
| Các khoản phải trả khác | 244.619.878 | 362.990.371 |
| Cộng | <u>1.504.842.684</u> | <u>1.121.351.165</u> |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

2. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty không có tài sản thế chấp nào cho đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Công ty quản lý rủi ro tín dụng thương mại như sau:

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp khác nhau tùy theo nhóm đối tượng khách hàng. Cụ thể:

+ Đối với nhà phân phối: Công ty có 2 nhà phân phối là những đơn vị có tình hình tài chính tốt, chuyên kinh doanh vật liệu xây dựng. Trong đó, Công ty TNHH MTV Vật liệu và xây dựng Bình Dương vừa là cổ đông lớn, vừa là nhà phân phối của Công ty. Các nhà phân phối sẽ được nhận hàng trong tháng, cuối tháng sẽ được quyết toán và đầu tháng sau phải thanh toán toàn bộ tiền hàng cho Công ty.

+ Đối với các đại lý: các đại lý đặt cọc một khoản tiền nhất định và thanh toán trước khi nhận hàng.

+ Đối với các đối tượng còn lại: thanh toán tiền hàng trước khi nhận hàng.

Nhìn chung, Công ty đã có các biện pháp phòng ngừa rủi ro phải thu khách hàng thích hợp nên rủi ro này được đánh giá là thấp;

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

| | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm đến 05 năm | Trên 05 năm | Cộng |
|-----------------------------|------------------------|---------------------------|--------------------|----------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Phải trả cho người bán | 456.164.627 | - | - | 456.164.627 |
| Vay và nợ | - | 11.000.000 | - | 11.000.000 |
| Phải trả cho người lao động | - | - | - | - |
| Chi phí phải trả | 652.345.846 | - | 140.712.333 | 793.058.179 |
| Các khoản phải trả khác | 244.619.878 | - | - | 244.619.878 |
| Cộng | 1.353.130.351 | 11.000.000 | 140.712.333 | 1.504.842.684 |
| Số đầu năm | | | | |
| Phải trả cho người bán | 645.647.198 | - | - | 645.647.198 |
| Vay và nợ | - | 11.000.000 | - | 11.000.000 |
| Phải trả cho người lao động | - | - | - | - |
| Chi phí phải trả | - | - | 101.713.596 | 101.713.596 |
| Các khoản phải trả khác | 362.990.371 | - | - | 362.990.371 |
| Cộng | 1.008.637.569 | 11.000.000 | 101.713.596 | 1.121.351.165 |

5. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong năm 2013, các nghiệp vụ bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ là không đáng kể

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

VIII. Những thông tin khác

1. Giao dịch với bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền lương | 735.229.000 | 679.989.000 |
| Tiền thưởng | 380.922.000 | 508.414.000 |
| Thù lao HĐQT, ban kiểm soát | 200.735.000 | 301.868.000 |
| Cộng | <u>1.316.886.000</u> | <u>1.490.271.000</u> |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan với Công ty gồm :

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|--------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng Bình Dương | Cổ đông lớn |
| Đại lý Lê Túy Dũng | Cổ đông |

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Nội dung giao dịch</u> | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|----------------|------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương | - Phải thu tiền bán sản phẩm | 10.999.822.762 | 14.673.214.671 |
| | - Đã thu tiền bán sản phẩm | 11.581.780.912 | 14.844.249.312 |
| Đại lý Lê Túy Dũng | - Đã thu khoản phải thu khác | 49.981.200 | 49.981.200 |
| | - Phải thu tiền bán sản phẩm | 1.851.661.680 | 3.102.917.841 |
| | - Đã thu tiền bán sản phẩm | 1.851.661.680 | 3.102.917.841 |

Tại ngày 31/12/2013, công nợ với Bên liên quan như sau:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Nội dung giao dịch</u> | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------------|--------------------|-------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương | Phải thu tiền bán sản phẩm | 614.344.892 | 1.196.303.042 |
| | Phải thu khác | - | 49.981.200 |



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp, với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản xuất gạch ngói xây dựng
- Khai thác đất sét, cát xây dựng

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh được thể hiện như sau:

| Chỉ tiêu | Sản xuất, kinh doanh gạch ngói | Khai thác, kinh doanh đất sét, cát xây dựng | Kinh doanh khác | Cộng |
|---|--------------------------------|---|-----------------|-----------------------|
| 2.1 Năm nay | | | | |
| 2.1.1. Kết quả kinh doanh bộ phận | | | | |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 28.536.997.004 | 10.915.977.645 | 4.619.209 | 39.457.593.858 |
| Giá vốn hàng bán | 21.419.339.573 | 5.843.962.697 | 4.440.000 | 27.267.742.270 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 7.117.657.431 | 5.072.014.948 | 179.209 | 12.189.851.588 |
| 2.1.2. Khấu hao và phân bổ chi phí trả trước | | | | |
| - Chi phí khấu hao trong kỳ | 1.438.041.928 | 205.479.288 | - | 1.643.521.216 |
| - Chi phí trả trước dài hạn phân bổ trong kỳ | 167.019.424 | 2.141.849.154 | - | 2.308.868.578 |
| 2.1.3. Tài sản bộ phận tại ngày 31/12/2013 | | | | |
| - Tài sản cố định hữu hình | | | | |
| Nguyên giá | 14.816.450.865 | 2.140.894.697 | - | 16.957.345.562 |
| Hao mòn lũy kế | 8.975.498.347 | 794.989.161 | - | 9.770.487.508 |
| Giá trị còn lại cuối kỳ | 5.840.952.518 | 1.345.905.536 | - | 7.186.858.054 |
| - Chi phí trả trước dài hạn | | | | |
| Giá trị ban đầu | 1.344.090.522 | 27.547.497.917 | - | 28.891.588.439 |
| Phân bổ lũy kế | 707.102.623 | 7.421.216.262 | - | 8.128.318.885 |
| Giá trị còn lại cuối kỳ | 636.987.899 | 20.126.281.655 | - | 20.763.269.554 |
| - Tài sản không phân bổ | | | | 35.517.825.330 |
| Tổng Tài sản | | | | 63.467.952.938 |



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh được thể hiện như sau (tiếp theo):

| Chỉ tiêu | Sản xuất, kinh doanh gạch ngói | Khai thác, kinh doanh đất sét, cát xây dựng | Kinh doanh khác | Cộng |
|---|--------------------------------|---|-----------------|-----------------------|
| 2.2 Năm trước | | | | |
| 2.2.1. Kết quả kinh doanh bộ phận | | | | |
| Doanh thu thuần từ bán hàng | 33.477.078.833 | 9.648.250.289 | - | 43.125.329.122 |
| Giá vốn hàng bán | 24.292.974.496 | 6.207.665.380 | - | 30.500.639.876 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 9.184.104.337 | 3.440.584.909 | - | 12.624.689.246 |
| 2.2.2. Khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | | | | |
| - Chi phí khấu hao | 1.387.344.101 | 209.005.368 | - | 1.596.349.469 |
| - Chi phí trả trước dài hạn | 465.647.505 | 1.178.014.263 | - | 1.643.661.768 |
| 2.2.3. Tài sản bộ phận tại ngày 31/12/2012 | | | | |
| - Tài sản cố định | | | | |
| Nguyên giá | 14.923.450.671 | 2.197.311.970 | - | 17.120.762.641 |
| Hao mòn lũy kế | 7.648.549.852 | 610.299.898 | - | 8.258.849.750 |
| Giá trị còn lại cuối kỳ | 7.274.900.819 | 1.587.012.072 | - | 8.861.912.891 |
| - Chi phí trả trước dài hạn | | | | |
| Giá trị ban đầu | 1.297.425.758 | 27.547.497.917 | - | 28.844.923.675 |
| Phân bổ lũy kế | 916.931.181 | 6.457.381.371 | - | 7.374.312.552 |
| Giá trị còn lại cuối kỳ | 380.494.577 | 21.090.116.546 | - | 21.470.611.123 |
| - Tài sản không phân bổ | | | | 26.273.779.766 |
| Tổng Tài sản | | | | 56.606.303.780 |

3. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2013

Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính Phủ ban hành quy định phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản có hiệu lực thi hành ngày 20/01/2014, Công ty có nghĩa vụ kê khai tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong vòng 60 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Căn cứ vào Nghị định này, Công ty tạm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho các giấy phép khai thác khoáng sản (sét làm gạch ngói và cát kẹp) đã được cấp phép như sau :

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Phần khai thác sét làm gạch,ngói

| | | |
|---|---|--------------------|
| - Công suất khai thác năm theo giấy phép | : | 70.000 m3/năm |
| - Thời hạn còn lại của giấy phép (tính từ ngày 01/7/2011) | : | 28 năm |
| - Tổng trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản | : | 2.177.778 m3 |
| - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản | : | 90.000 đồng |
| - K1 (Hệ số mỏ lộ thiên) | : | 0,90 |
| - K2 (Địa bàn không có điều kiện KT-XH khó khăn) | : | 1,00 |
| - R (Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) | : | 4% |
| - Tổng cộng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ước tính | : | 7.056.000.000 đồng |
| - Công ty phân bổ tiền cấp quyền khai thác khoáng từ 01/7/2011 đến 31/12/2013 và ghi nhận vào chi phí trong năm 2013 là | : | 630.000.000 đồng |

Phần khai thác cát kẹp giữa các lớp sét

| | | |
|---|---|------------------|
| - Tổng trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản | : | 201.733 m3 |
| - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản | : | 80.000 đồng |
| - K1 (Hệ số mỏ lộ thiên) | : | 0,90 |
| - K2 (Địa bàn không có điều kiện KT-XH khó khăn) | : | 1,00 |
| - R (Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) | : | 4% |
| - Tổng cộng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ước tính | : | 580.992.000 đồng |
| - Thời hạn còn lại của giấy phép (tính từ khi Công ty bắt đầu khai thác cát kẹp-2013) | : | 26 năm |
| - Công ty phân bổ tiền cấp quyền khai thác khoáng năm 2013 | : | 22.345.846 đồng |

Như vậy, tổng khoản nợ tiềm tàng liên quan đến Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Công ty đang khai thác ước tính là : 7.636.992.000 đồng

Trong đó, Công ty phân bổ Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ 01/7/2011 đến 31/12/2013 cho cả phần khai thác sét làm gạch ngói và cát kẹp là : 652.345.846 đồng

Theo quy định của Nghị định trên, sau khi Công ty nộp bản kê khai tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên-Môi trường của tỉnh sẽ kiểm tra và phê duyệt. Do vậy, số liệu ước tính trên có thể thay đổi theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Ngoài sự kiện nêu trên, sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2013 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Ấp Cây Chàm - Xã Thạnh Phước - H.Tân Uyên - Tỉnh Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán;

Bình Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Kế toán trưởng



HỨA NGỌC CHÍNH

Giám đốc



LÊ MINH HOÀNG

